



Ảnh Hòa Tấn

Quản lý là tạo môi trường thông thoáng thay vì tạo ra rào cản

DIỆP VĂN SƠN *

Đổi mới tư duy về thành phần kinh tế, nhất là về ý nghĩa, vai trò và vị trí của doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở nước ta là một việc không dễ. Không chỉ bởi vì điều này trái với tư duy truyền thống mà còn ảnh hưởng nặng tới việc thiết kế, định hình xu hướng phát triển và điều hành xã hội.

Nếu ví thị trường là nước thì doanh nghiệp là cá trong nước. Chính phủ quản lý nền kinh tế thị trường phải làm thế nào cho nước sạch, không bị ô nhiễm, để cá sống, phát triển và sinh sôi nảy nở ngày càng nhiều. Quan hệ giữa Chính phủ và doanh nghiệp trong những bối cảnh, giai đoạn khác nhau là không giống nhau. Xét về mặt lịch sử và lý luận, nó chịu ảnh hưởng sâu sắc của chủ nghĩa trọng thương, chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa Keynes, chủ nghĩa tự do mới, chủ nghĩa Keynes mới... lý luận chủ đạo của mỗi thời kỳ không giống nhau. Về thực tiễn xã hội, khi hình thức sở hữu không giống nhau, quan hệ giữa Chính phủ và doanh

nh nghiệp sẽ không giống nhau. [1]

1. Những nguyên tắc cơ bản quản lý của Chính phủ đối với doanh nghiệp cần được quan tâm

Sự quản lý của Chính phủ đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Nói chung, doanh nghiệp ngoài quốc doanh là những thực thể diễn hình trong nền kinh tế thị trường, có quyền tự chủ kinh doanh thật sự. Sự can dự và quản lý của Chính phủ đối với các doanh nghiệp này tương đối ít. Nhưng quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp cũng có mức độ nhất định. Hoạt động sản xuất kinh doanh, hoặc ít hoặc nhiều đều chịu sự ràng buộc của các chính sách và

pháp quy của Chính phủ.

Một là, Chính phủ thông qua công tác lập pháp để quy định và khống chế hành vi của doanh nghiệp như quy định luật chống độc quyền để khuyến khích cạnh tranh, xây dựng luật lao động để quy định thời gian lao động, lương tối thiểu, luật bảo vệ môi trường, luật chất lượng sản phẩm, quy phạm hành vi của doanh nghiệp, đồng thời thông qua cơ quan giám sát chuyên môn để đảm bảo việc thực thi pháp luật, pháp quy, chống lại các hành vi vi phạm pháp luật.

Hai là, tăng cường sự chỉ đạo kế hoạch vĩ mô của Chính phủ đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Thí dụ ở Đức và ở Nhật, Chính phủ có

kế hoạch kinh tế mang tính chỉ đạo. Ở Mỹ, Chính phủ có sự điều tiết vĩ mô đối với nền kinh tế. Ở các nước thực hiện kinh tế có kế hoạch, Chính phủ xác lập trọng điểm phát triển kinh tế quốc dân, phương hướng điều chỉnh cơ cấu ngành nghề vào kế hoạch, thông qua quy hoạch phát triển trung hạn và dài hạn, dự báo xu thế phát triển của nền kinh tế để hướng dẫn hoạt động kinh tế của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Mặc dầu những kế hoạch này chỉ mang tính hướng dẫn, không mang tính bắt buộc đối với doanh nghiệp ngoài quốc doanh nhưng do kèm theo chính sách thuế, chính sách tín dụng nên có ảnh hưởng rất lớn đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Ở những nước thực hiện sự điều tiết đối với kinh tế vĩ mô, nhà nước thông qua công tác lập pháp, báo cáo kinh tế hàng năm, báo cáo tình hình đất nước, để xác lập phương hướng và trọng điểm phát triển của nền kinh tế quốc dân rồi dùng chính sách thuế, chính sách tín dụng để hướng dẫn hoạt động đầu tư, kinh doanh của các doanh nghiệp.

Ba là, thực hiện sự nâng đỡ của Chính phủ đối với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Thí dụ, Chính phủ cho tư nhân vay vốn, bảo hộ mậu dịch, Chính phủ mua hàng và đặt hàng, Chính phủ đầu tư xây dựng công trình công cộng nhằm tạo nguồn vốn cho doanh nghiệp ngoài quốc doanh, mở rộng thị trường tiêu thụ, xây dựng cơ sở hạ tầng, hệ thống dịch vụ hoặc có khi còn thông qua chính sách thuế ưu đãi để trực tiếp tài trợ cho một số doanh nghiệp.

Bốn là, điều hoà mâu thuẫn giữa các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Trong quá trình tự do kinh doanh, giữa các doanh nghiệp ngoài quốc doanh tất nhiên sẽ nảy sinh mâu thuẫn này hoặc mâu thuẫn khác. Do đó, Chính phủ phải thường xuyên thông qua các cơ quan chuyên môn để điều hoà kế hoạch, điều hoà xung

đột về lao động, điều hoà tiêu chuẩn kỹ thuật và thời gian lao động giữa các doanh nghiệp.

Năm là, cung cấp dịch vụ cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh như các dịch vụ thống kê, dự báo kinh tế. Một số nước còn thiết lập chế độ lắng nghe dư luận, tổ chức những cuộc tọa đàm của người tiêu dùng, thu thập ý kiến rộng rãi của người tiêu dùng, thu thập thông tin thị trường, thường xuyên đưa ra những ý kiến mang tính thống nhất đối với doanh nghiệp. Ở một số nước, Chính phủ còn tăng cường đầu tư vào các cơ sở hạ tầng mà tư nhân không có khả năng đầu tư hoặc tư nhân không muốn đầu tư vì mức độ rủi ro cao, thu lợi ít; đồng thời tổ chức việc nghiên cứu khoa học, giáo dục và đào tạo, cung cấp những điều kiện thuận lợi về vật chất, nhân lực, khoa học kỹ thuật cho các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Sáu là, căn cứ vào pháp luật để thu thuế các doanh nghiệp ngoài quốc doanh. Thông qua các biện pháp nói trên, Chính phủ vừa là người quy phạm, giám sát hoạt động của các doanh nghiệp ngoài quốc doanh, vừa là người giúp đỡ, phục vụ các doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Sự quản lý của Chính phủ đối với các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước.

So với các doanh nghiệp ngoài quốc doanh thì quan hệ giữa Chính phủ với các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước chặt chẽ hơn, quản chế cũng trực tiếp hơn, nghiêm khắc hơn. Ở các nước khác, Chính phủ thông qua pháp luật để quản lý doanh nghiệp và có những quy định chi tiết về việc thành lập doanh nghiệp, tôn chỉ, phương châm kinh doanh, chế độ nhân sự, tài vụ, điều kiện lao động, phạm vi nghiệp vụ, phương pháp kinh doanh, phương thức huy động vốn, kế hoạch kinh doanh, giá cả và dịch vụ, quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp, phương thức phân phối. Trong quá trình

quản lý cụ thể, Chính phủ thường thông qua các biện pháp quản lý nhân sự, tài vụ, quy mô doanh nghiệp, phương thức kinh doanh, giá cả để duy trì sự quản chế đối với doanh nghiệp. Chính phủ có thể cử người đến kiểm tra, giám sát tình hình sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Nhưng điều đó không có nghĩa là Chính phủ có thể tùy ý can dự vào hoạt động kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp. Ngoài việc đưa ra một số chỉ thị và điều kiện ràng buộc nào đó, Chính phủ không được xâm phạm quyền tự chủ sản xuất, kinh doanh, và tiêu thụ của doanh nghiệp.

Doanh nghiệp có thể tự quyết định kế hoạch sản xuất và chính sách tiêu thụ, có quyền ký kết các hợp đồng kinh doanh hợp pháp, thuê và sa thải nhân viên, bổ nhiệm và miễn nhiệm nhân viên quản lý thuộc quyền, tự quyết định các vấn đề về số lượng nhân viên, cơ cấu tổ chức, đào tạo nhân viên, thăng cấp, khen thưởng. Nhưng do các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước có nhiều mục tiêu, quyết sách kinh doanh tương đối tập trung, thể chế quản lý quan liêu, độc quyền trong kinh doanh đã làm cho đại đa số doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước kinh doanh kém hiệu quả, thua lỗ nghiêm trọng, trở thành gánh nặng tài chính cho Chính phủ. Để thay đổi tình hình đó, nhiều nước phương Tây đã cải cách thể chế quản lý của các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước, cải tiến quan hệ giữa Chính phủ với các xí nghiệp thuộc sở hữu nhà nước, từng bước thay đổi tình trạng Chính phủ quản quá nhiều, quá cứng nhắc, thu hẹp phạm vi quản lý của Chính phủ, mở rộng đến mức tối đa quyền tự chủ kinh doanh của doanh nghiệp, tiến tới hoà đồng quy tắc kinh doanh của doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước với doanh nghiệp ngoài quốc doanh.

Nhiều nước đã đẩy lên phong trào tư nhân hoá ta chủ trương cổ phần hoá doanh nghiệp thuộc sở hữu

nhà nước, bán toàn bộ hoặc một phần cổ phiếu của doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước cho các thành phần, khiến doanh nghiệp và Chính phủ không còn quan hệ tài chính, Chính phủ không có quyền trực tiếp quản lý doanh nghiệp nữa. Tuy nhiên, nhiều doanh nghiệp mang tính độc quyền, liên quan đến quốc kế dân sinh vẫn thuộc sở hữu nhà nước. Cái cần thay đổi là hình thức quan hệ giữa Chính phủ và doanh nghiệp mà các yếu tố cấu thành của nó là phương thức tồn tại, quy mô, thể chế quản lý của doanh nghiệp. Tách bạch chức năng của Chính phủ và chức năng của doanh nghiệp, giao trả những quyền thuộc doanh nghiệp cho doanh nghiệp, Chính phủ không can dự vào hoạt động kinh doanh hàng ngày của doanh nghiệp và xoá bỏ chủ quản thể chế hoá sự quản lý của Chính phủ bằng pháp luật. Từ đó, quan hệ giữa Chính phủ với doanh nghiệp có thể phát triển theo chiều hướng lành mạnh.

Chuyển biến chức năng của Chính phủ, thay đổi phương thức quản lý của Chính phủ đối với doanh nghiệp.

Để xây dựng mối quan hệ kiểu mới giữa Chính phủ với doanh nghiệp, trước hết cần chuyển biến chức năng của Chính phủ theo yêu cầu của thể chế kinh tế thị trường xã hội chủ nghĩa. Sau đây là những biện pháp cụ thể:

(1) Chuyển biến chức năng của các cơ quan kinh tế của Chính phủ, tinh giản các cơ quan kinh tế chuyên ngành. Thông qua việc thiết lập và thực hiện chức năng của các cơ quan kinh tế tổng hợp, giảm bớt công việc xét duyệt cụ thể đối với doanh nghiệp, coi việc xây dựng quy hoạch phát triển kinh tế quốc dân và xã hội trung hạn, dài hạn ở địa phương mình là chức năng cơ bản của chính quyền. Tinh giản, thậm chí giải thể các cơ quan kinh tế chuyên ngành được thành lập theo yêu cầu của thể chế kinh tế kế hoạch để các doanh

ng nghiệp trở thành những doanh nghiệp không có cơ quan chủ quản, thông qua hình thức pháp luật để quy định quyền và nghĩa vụ của các cơ quan tổng hợp, Chính phủ không được can dự vào hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp vượt quá phạm vi quy định của pháp luật, doanh nghiệp không được vi phạm pháp luật, pháp quy trong quá trình kinh doanh. Chính phủ phải làm tốt bốn việc đối với doanh nghiệp: quản lý người đại diện quyền sở hữu, tăng cường công tác lập pháp và giám sát, xây dựng các chính sách công, xây dựng hệ thống bảo hiểm xã hội.

(2) Phân loại quản lý và chỉ đạo các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước. Căn cứ vào vai trò của doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước và mối quan hệ của nó với Chính phủ, có thể chia các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước thành hai loại: doanh nghiệp mang tính độc quyền và doanh nghiệp mang tính cạnh tranh. Đối với các doanh nghiệp mang tính độc quyền, Chính phủ có thể đầu tư 100% hoặc nắm tỷ lệ cổ phần khống chế, Chính phủ giới thiệu hoặc bổ nhiệm người lãnh đạo doanh nghiệp, quyết định việc phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp, việc xử lý lỗ, việc trợ cấp đối với các trường hợp bị lỗ do thực hiện chính sách. Đối với các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước mang tính cạnh tranh, không thể tách bạch chức năng Chính phủ với chức năng doanh nghiệp một cách cứng nhắc. Đối với các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước mang tính cạnh tranh, nói chung là dùng hình thức công ty cổ phần để địa vị pháp lý của những doanh nghiệp này cũng giống như doanh nghiệp ngoài quốc doanh, doanh nghiệp có đầy đủ quyền sở hữu đối với tài sản, có thể hoạt động theo các quy luật kinh tế và quy luật thị trường. Vai trò của Chính phủ chủ yếu là giám sát việc thi hành pháp luật, hướng dẫn chính sách, lựa chọn đại diện quyền sở hữu tài sản.

(3) Xoá bỏ cấp bậc hành chính trong doanh nghiệp, cải cách biện pháp quản lý người lãnh đạo doanh nghiệp. Việc áp dụng cấp bậc hành chính trong doanh nghiệp sẽ dẫn đến tình trạng quan liêu hoá trong quản lý doanh nghiệp. Do đó ở nhiều nước, trong các doanh nghiệp thuộc sở hữu nhà nước, nói chung không có cấp bậc hành chính, chủ tịch hội đồng quản trị, tổng giám đốc và cán bộ thuộc quyền không phải là quan chức chính phủ. Bộ trưởng và nghị sĩ không được tham gia hội đồng quản trị công ty. Quan chức chính phủ nếu được bổ nhiệm làm chủ tịch hội đồng quản trị của doanh nghiệp thì không được giữ chức vụ trong Chính phủ.

2. Những rào cản cần tháo gỡ

a) Giấy phép con.

Không có thống kê nào cho biết có bao nhiêu giấy phép con và giấy phép cháu đã được ban hành.

Kết quả rà soát 300 loại giấy phép con mà tổ công tác thi hành luật doanh nghiệp và luật đầu tư đã tiến hành thời gian qua cho thấy việc ngăn chặn những giấy phép con còn rất gian nan.

Muôn hình vạn trạng giấy phép con. Việc tìm và bãi bỏ giấy phép con được tiến hành từ năm 1998 đến năm 2000, khi Luật doanh nghiệp có hiệu lực (năm 1999) đã bãi bỏ và chuyển sang đăng ký kinh doanh 145 giấy phép con. Đây là một nỗ lực đáng ghi nhận. Đáng tiếc là từ đó đến nay đã thêm nhiều nhiều giấy phép con khác gây phiền hà cho doanh nghiệp, tính ra trung bình mỗi tuần phát sinh thêm một giấy phép con. Điều quan trọng đáng nói là các giấy phép con này không có căn cứ pháp lý, không rõ mục đích, không cần thiết. Trường hợp sau đây là một trong rất nhiều dẫn chứng về những yêu cầu không cần thiết của một loại giấy phép con. Theo điều 12 Nghị định 19/2005-NĐ-CP liên quan đến giấy phép giới thiệu việc làm, doanh nghiệp giới thiệu việc làm phải có: (1)

Địa điểm và trụ sở ổn định, đặt ở nơi thuận tiện và đủ diện tích cho giao dịch và hoạt động của doanh nghiệp; (2) Có phòng sử dụng cho hoạt động tư vấn, phòng sử dụng cho hoạt động giới thiệu và cung ứng lao động, phòng sử dụng cho hoạt động về thông tin thị trường và có trang bị máy tính, điện thoại, fax, e-mail và các tài liệu liên quan khác đến thị trường lao động và các trang thiết bị khác phục vụ khách hàng; (3) Có ít nhất cán bộ có trình độ từ cao đẳng trở lên thuộc các chuyên ngành kinh tế, pháp luật, ngoại ngữ, có lý lịch rõ ràng, có phẩm chất đạo đức tốt, không có tiền án.

Có thể thấy trong những điều kiện mà nghị định nói trên quy định, có khá nhiều việc mà tự bản thân doanh nghiệp phải lo liệu cho hoạt động kinh doanh của mình (như địa điểm có đủ diện tích cho giao dịch; các loại trang thiết bị...) mà Nhà nước không nên can thiệp và cũng không thể can thiệp được; những hoạt động nào của doanh nghiệp mà thị trường sẽ giám sát, so sánh và lựa chọn tùy theo chất lượng dịch vụ của doanh nghiệp. Lại nữa, yêu cầu xác nhận của UBND xã, phường về "đạo đức tốt", "chưa có tiền án" là trái với nguyên tắc luật pháp vì không thể bắt một người chứng minh là vô tội và cũng không được cấm một người có tiền án không được kinh doanh; dựa trên nguyên tắc nào mà UBND cấp xã, phường xác nhận được những nội dung đó? Có thể kể ra khá nhiều ví dụ, để thấy rõ việc quy định các loại giấy phép như vậy đã gây thêm tổn kém tiền bạc, thời gian cho doanh nghiệp; không những thế, kiểu "tiền kiểm" này nhiều khi chỉ là hình thức, doanh nghiệp có thể thuê mướn cho đủ theo yêu cầu, sau đó lại trả về, như mọi người đều đã biết.

Sở dĩ có tình trạng loại giấy phép con chủ yếu là do lối tư duy lạc hậu, không ít cơ quan nhà nước vẫn có cái nhìn thiển cận và đầy mặc cảm với doanh nghiệp và người dân

như kiểu đã là doanh nghiệp thì đương nhiên trốn thuế, là tư thương thì buôn gian, bán lận, ép giá... Không quản được thì sinh ra giấy phép, theo kiểu vài người đau bụng bắt cả làng ống thuốc. Kinh nghiệm thế giới cho thấy càng hạn chế, kinh tế ngầm càng phát triển mạnh, lậu, trốn thuế càng lớn, cùng với đó là những nhiễu và lạm dụng chức quyền của quan chức càng nhiều hơn. Bởi vậy, điều cốt lõi để loại bỏ giấy phép con là phải thay đổi tư duy.

Khả năng bãi bỏ giấy phép con một cách triệt để này là khó. Vì hiện chế tài xử lý chưa có, chỉ có mỗi việc ban hành sai thì thu hồi, chứ chưa có toà án xử xem tác hại của loại giấy phép này thế nào. Rõ ràng là thay đổi tư duy phải đi liền với chế tài hành chính mạnh, mới mong dẹp bỏ được giấy phép con.

b) Định kiến quốc doanh - ngoài quốc doanh?

Năm 2000, Luật doanh nghiệp ra đời và đi vào cuộc sống, thể chế và hiện thực hoá được quyền tự do lựa chọn loại hình doanh nghiệp, khơi dậy và huy động nhanh, mạnh các nguồn lực và sức sáng tạo để phát triển sản xuất, phục hồi tăng trưởng kinh tế, cải thiện đời sống của nhân dân. Tuy nhiên, thực trạng hiện nay vẫn đầy thách thức đối với khu vực kinh tế tư nhân nước ta.

Đối mới tư duy về thành phần kinh tế, nhất là về ý nghĩa, vai trò và vị trí của doanh nghiệp ngoài quốc doanh ở nước ta là một việc không dễ. Không chỉ bởi vì điều này trái với tư duy truyền thống mà còn ảnh hưởng nặng tới việc thiết kế, định hình xu hướng phát triển và điều hành xã hội.

Giới doanh nhân hiểu rằng hoạt động kinh doanh của họ là cần thiết, là hữu ích và được ủng hộ chỉ trong phạm vi và quy mô chưa ảnh hưởng đến "sự chủ đạo" của doanh nghiệp nhà nước. Vì vậy, một bộ phận doanh nhân kinh doanh trong tâm trạng "vừa làm vừa lo".

Trên thực tế hơn 10 năm qua, chuyện bao cấp đối với doanh nghiệp nhà nước vẫn chưa dứt. Nếu từ khoảng năm 1990 về trước là bao cấp hiện vật trong hoàn cảnh nhà nước rất túng thiếu thì từ trên 10 năm gần đây đã chuyển thành bao cấp dưới hình thức tài chính hào phóng hơn nhiều.

Gần đây nhất mới có một số quyết sách cơ bản tạo khả năng xoá bỏ cơ chế bao cấp với doanh nghiệp nhà nước; trong đó quan trọng nhất là chủ trương xoá bỏ chính sách phân biệt đối xử giữa các thành phần kinh tế, giành đặc quyền đặc lợi cho doanh nghiệp nhà nước và chính sách nhất quán chủ động hội nhập vào Tổ chức thương mại thế giới (WTO). Từ đó đã đưa ra giải pháp tầm chiến lược: xây dựng hệ thống luật kinh tế và luật kinh doanh áp dụng thống nhất với tất cả các loại hình doanh nghiệp.

Việc thực hiện giải pháp chiến lược này đang vấp phải khó khăn lớn, cụ thể là: việc sắp xếp, chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước sang loại hình doanh nghiệp có thể hoạt động theo Luật doanh nghiệp thống nhất sẽ không thể làm được, nếu vẫn giữ tính chất doanh nghiệp nhà nước về sở hữu cũng như về tổ chức quản lý.

Đây là nguyên nhân trực tiếp đưa tới sự bế tắc kéo dài cho đến nay trong chuyển đổi doanh nghiệp nhà nước cũng như trong đổi mới quản lý nhà nước về kinh tế, thể hiện trên hai mặt: Một là, nhiều cơ quan nhà nước vẫn còn sa lầy trong chức năng chủ đầu tư và chủ quản quá nhiều doanh nghiệp nhà nước và dự án đầu tư.

Mọi giải pháp đã và đang làm về "bỏ chủ quản" vẫn chỉ là di chuyển địa chỉ chủ đầu tư và chủ quản, chứ chưa thể giảm tải đi tới trút gánh nặng. Hai là, sự trì trệ kéo dài trong việc chuyển doanh nghiệp nhà nước sang công ty cổ phần và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, do cổ phần hoá khép kín nội bộ, hoặc giữ cổ phần nhà nước khổng lồ, gắn liền

với việc giữ nguyên cách tổ chức quản lý bên trong doanh nghiệp.

c) Thuế - một câu chuyện dài.

Các nhà đầu tư nước ngoài cho rằng, các chính sách thuế của VN đến nay vẫn còn chưa rõ ràng. Thuế thu nhập cá nhân của VN (mức thuế cao nhất đã được giảm xuống từ 50% còn 40%) còn cao hơn so với khu vực.

Không hiểu hết luật lệ nên rơi vào hoàn cảnh khó khăn đã đành, không ít nhà doanh nghiệp chấp hành đúng quy định của nhà nước vẫn bị các nhân viên thừa hành gây khó dễ. Có thể do cán bộ công chức chưa hiểu luật, nhưng cũng không loại trừ khả năng họ cố tình gây khó dễ vô ý vnh.

Một Việt kiều Pháp, đi kê khai nộp thuế thu nhập cá nhân thì nhân viên thuế yêu cầu ông phải xuất trình bản kê khai thu nhập ở Pháp và có xác nhận của chính quyền Pháp. Trong khi đó, theo quy định, người nước ngoài chỉ cần kê khai thu nhập phát sinh ngoài VN và chịu trách nhiệm về bản kê khai đó mà không cần chính quyền sở tại ký xác nhận.

Liên quan đến hợp đồng thuê văn phòng, theo quy định doanh nghiệp có thể không cần có bản hợp đồng này khi làm thủ tục quyết toán với ngành thuế, nếu chủ doanh nghiệp không muốn đưa tiền thuê văn phòng vào chi phí kinh doanh. Thế nhưng, nhiều doanh nhân đã giải thích mình không cần đưa tiền thuê văn phòng vào chi phí để khấu trừ thuế doanh nghiệp (vì chi phí này quá nhỏ) nhưng nhân viên ngành thuế vẫn không chấp nhận. Họ phát biểu một cách bức xúc: *"Quyền hạn của nhân viên thuế quá lớn, họ muốn trắng thì trắng, muốn đen thì đen. Doanh nghiệp chúng tôi chẳng còn cách nào khác ngoài việc phải làm theo họ"*.

Có một công ty chuyên sản xuất đồ hộp xuất khẩu 100%, gặp khó khăn trong việc hoàn thuế giá trị gia tăng đối với nguyên liệu đầu vào từ

nhiều năm qua mà công ty cũng không biết phải thực hiện thế nào cho đúng. Ông giám đốc công ty cho biết: "Nhân viên ngành thuế hướng dẫn thế nào thì chúng tôi làm như vậy, nhưng mỗi người hướng dẫn mỗi khác. Bốn năm đã trôi qua mà hồ sơ xin hoàn thuế của công ty vẫn chưa được giải quyết. Chúng tôi muốn biết mình đã chấp hành đúng các quy định hay chưa, nếu đúng thì hãy giải quyết, còn chưa thì phải làm thế nào".

d) Pháp luật phức tạp và thiếu đồng bộ.

Nhiều phát biểu của doanh nhân nước ngoài cho rằng, hệ thống luật pháp VN quá phức tạp và thiếu đồng bộ, các nhà doanh nghiệp khó nắm bắt hết được, nên dễ gây rủi ro. Câu chuyện của một Việt kiều là thành viên hội đồng quản trị của công ty Đức Việt là một ví dụ. Theo quy định hiện hành, những thành viên của hội đồng quản trị công ty được cấp giấy chứng nhận tạm trú ở VN mà không cần xin giấy phép lao động hay hợp đồng lao động. Nhưng khi người này ra cảng nhận hàng từ nước ngoài gửi về thì nhân viên hải quan lại yêu cầu phải xuất trình giấy phép lao động mới cho nhận. Ông Cục phó Cục hải quan TP.HCM, giải thích dù quy định về cư trú miễn giấy phép lao động, nhưng theo quy định khác (Nghị định số 154 của Chính phủ), tài sản của người nước ngoài chuyển vào VN để phục vụ sản xuất, kinh doanh hoặc sinh hoạt cá nhân thì người chủ tài sản phải có giấy phép lao động mới được miễn thuế nhập khẩu, bằng không sẽ phải chịu thuế và nếu không nộp thì không được nhận.

e) Rắc rối giấy chứng nhận đầu tư.

Thủ tục cấp giấy chứng nhận đầu tư (GCNĐT) và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (GCNĐKKD) đang có rắc rối, nhất là trong trường hợp nhà đầu tư nước ngoài mua lại cổ phần, mua lại phần vốn góp và mua

lại cả doanh nghiệp VN (DNVN).

Việc một nhà đầu tư nước ngoài mua lại DNVN, mua lại cổ phần hay phần vốn góp là việc làm bình thường để tái cơ cấu, đổi mới công nghệ, không xuất hiện dự án mới. Trong trường hợp này, quyền và nghĩa vụ tài sản của công ty không thay đổi, có chăng chỉ có thể đổi số thành viên công ty. Như vậy cách ứng xử trong trường hợp này là chỉ thực hiện việc đăng ký thay đổi kinh doanh nếu như việc mua bán đó có làm thay đổi các nội dung trong GCNĐKKD.

Sau khi mua lại cổ phần, phần vốn góp hoặc mua cả doanh nghiệp, nếu có thay đổi dự án đầu tư thì doanh nghiệp thực hiện các thủ tục về đầu tư. Nếu sự chuyển nhượng đó chỉ đơn thuần là sự chuyển nhượng quyền sở hữu công ty, thì không cần làm lại thủ tục về GCNĐT.

Nhưng thực tế hiện nay, ở các địa phương, việc nhận thức và cách xử lý về nội dung này rất khác nhau. Có một vài tỉnh áp dụng theo nguyên tắc thay đổi ĐKKD theo Luật doanh nghiệp; đa số còn lại đều chờ đợi cấp trên hướng dẫn. Còn cấp trên thì đang nghiên cứu.

Như vậy, đang có sự nhận thức không rõ ràng về hai loại quyền sở hữu: quyền sở hữu công ty của nhà đầu tư, còn công ty có quyền sở hữu tài sản do nhà đầu tư góp. Để làm rõ hai khái niệm này, cần tìm hiểu xem địa vị pháp lý của GCNĐT là gì? Bản chất của GCNĐT, quyền và nghĩa vụ liên quan phát sinh từ GCNĐT đối với các loại dự án.

Chính sự rắc rối này tạo kẽ hở cho các vấn nạn những nhiều đưa đến tham nhũng ■

(*) Tác giả hiện là chuyên viên cao cấp, nguyên Phó Vụ trưởng Bộ nội vụ

[1] Từ Chính phủ bắt nguồn từ một từ Hy Lạp có nghĩa là "cắm lá". Công việc của Chính phủ là cắm lá chứ không phải bơi chèo. Người bơi chèo là doanh nghiệp và phần còn lại của xã hội dân sự. Người cắm lá phải sáng suốt khéo léo vượt qua thác gềnh sóng gió đưa con thuyền dân tộc đi nhanh, đi đúng hướng ra biển khơi hội nhập. Không có lý gì người cắm lá gây cản trở người bơi chèo.